TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BÔI** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HSST
Ngày: 12/9/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Minh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vũ Hòa và ông Ngô Trung Tính

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Thường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2023/HSST ngày 30/6/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HS ngày 02/8/2023 đối với:

Bị cáo: **Bùi Thị Ngọc T**, sinh năm 1999, tại K - Hòa Bình

Nơi ĐKHK: Thôn G, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi tạm trú: Xóm K, xã B, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Bùi Văn D, sinh năm 1980; Con bà Bùi Thị C, sinh năm 1977; Chồng Phạm Văn K, sinh năm 1997: Có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: (Không).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2022 đến ngày 29/12/2022 được tại ngoại, (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

1. Chị Trần Thị Bảo T1, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Số D L, Phường A, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

3. Chị Nguyễn Thị K1, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Số B L, Phường H, thành phố V.

4. Anh Đặng Văn C1, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

5. Anh Nguyễn Bảo C2, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, Ô, thành phố Cần Thơ.

6. Anh Nguyễn Văn C3, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Xã A, huyện A, tỉnh An Giang.

7. Chị Trần Thị L, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Tổ A, phường D, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

8. Chị Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Số B, ngách A, ngõ B L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

9 Chị Lê Thị P, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Đội 10, Siêu Quần, T, huyện T, thành phố Hà Nội

(09) Bị hại, đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phạm Văn K, sinh năm 1997

Nơi ĐKHK: Thôn G, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi tạm trú: Xóm K, xã B, huyện K, tỉnh Hòa Bình, (có mặt tại phiên tòa).

- Cháu Trần Hoàn T2, sinh năm 2007

Nơi cư trú: Tòa S303, V, phường T, quận N, thành phố Hà Nội, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhằm mục đích lừa đảo để chiếm đoạt tài sản, nên Bùi Thị Ngọc T đã nhiều lần sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook có tên "Thanhtaobao" của mình để đăng bán các mặt hàng. Trong thời gian ngắn, từ tháng 3/2022 đến tháng 11/2022 T ở nhà bố mẹ đẻ tại xóm K, xã B, huyện K, tỉnh Hòa Bình, bằng hành vi gian dối của mình đã thực hiện nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, tổng số tiền là 111.480.000 đồng, cụ thể các lần:

Lần 1: Đối với chị Trần Thị Bảo T1:

Qua mạng xã hội Facebook, chị T1 thấy nội dung trang Facebook có tên "Thanhtaobao" của Bùi Thị Ngọc T giao bán một số mặt hàng như: Chân gà; Chân vịt và xúc xích cay ăn liền. Nên ngày 30/3/2022 có đặt mua của T 01 thùng chân gàvà 01 thùng chân vịt. Sau khi thỏa thuận về giá, T yêu cầu chị T1 phải thanh toán trước số tiền 3.180.000 đồng. Chị T1 đồng ý, dùng số tài khoản V 0631000442493 của mình chuyển vào số tài khoản A 8012205225914 cho T.

Ngày 01/4/2022, chị T1 nhắn tin Facebook cho T đặt mua thêm 01 thùng chân vịt đỏ và 01 thùng chân vịt xanh, giá 1.640.000 đồng/thùng, tổng cộng 3.280.000 đồng; 01 thùng chân gà đỏ và 01 thùng chân gà vàng, giá 1.540.000 đồng/thùng, tổng cộng 3.080.000 đồng; 50 gói đùi gà tẩm ớt, giá 1.000.000 đồng; 01 thùng cánh vịt, giá 1.080.000 đồng; 10 gói gà quay, giá 225.000 đồng; 01 thùng cánh gà, giá 1.230.000 đồng; 50 cái đùi gà muối, giá 2.250.000 đồng; 01 thùng đùi gà đỏ và 01 thùng đùi gà vàng, giá 1.540.000 đồng/thùng, tổng cộng 3.080.000 đồng; 01 thùng thanh cua, giá 1.250.000 đồng; 10 hộp thịt năm vị, giá 1.050.000 đồng; 03 thùng tăm cay, giá 2.010.000 đồng; 05 hộp xúc xích, giá 315.000 đồng; 02 hộp chả cá, giá 310.000 đồng; 05 hộp sụn gà, giá 310.000 đồng; 01 thùng tai heo, giá 230.000 đồng; 05 hộp cá cay, giá 320.000 đồng; 05 hộp thịt nướng BBQ, giá 335.000 đồng; 02 hộp thịt chay giá 320.000 đồng; 05 hộp tôm hùm đất, giá 320.000 đồng; 01 thùng đùi gà Glacheng, giá 1.500.000 đồng. Sau khi đặt xong các đơn hàng trên, chị T3 chuyển cho T số tiền 23.495.000 đồng.

Ngày 17/4/2022, chị T1 nhắn tin qua Facebook cho T đặt mua thêm 07 thùng chân gà đỏ và 07 thùng chân vịt chị T1 thanh toán cho T số tiền 22.260.000 đồng, T hẹn 14 ngày sau sẽ giao hàng.

Ngày 19/4/2022 chị T1 có nhận được 07 bịch chân gà, giá 1.400.000 đồng. Sau một thời gian không nhận được hàng nữa nên chị T1 liên tục điện thoại yêu cầu T giao hàng tiếp, T nói lại "hàng bị lạc trên kho Thành phố Hồ Chí Minh". Không tin tưởng, nên ngày 02/5/2022 chị T1 trực tiếp đến kho hàng ở số I N, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh để hỏi, thì được biết T không có hàng gửi đến đó.

Ngày 06/6/2022, chị T1 tiếp tục nhận được 10 thùng chân vịt, giá 16.400.000 đồng, tiếp sau đó chị T1 không nhận được đơn hàng nào khác từ T.

Như vậy, tổng số tiền 03 lần chị T1 chuyển cho T để mua hàng là 48.935.000 đồng; T đã giao hàng cho chị T1 trị giá 17.800.000 đồng. Số tiền còn lại bị T chiếm đoạt là 31.135.000đ (ba mốt triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Lần 2: Đối với chị Hoàng Thị N:

Ngày 05/8/2022, chị N nhắn tin qua Facebook có tên "Thanhtaobao" của T để đặt mua 100 thùng nước sữa chua; 30 thùng bánh gạo; 01 thùng đèn lồng. Tổng giá trị của các đơn hàng là 35.000.000 đồng. T yêu cầu chị N phải đặt cọc trước 30%, chị N đồng ý nên đã chuyển khoản cho T trước số tiền 10.000.000 đồng vào các ngày 19 và 31/8/2022, T hẹn 12 ngày sau sẽ giao hàng, hết thời hạn T không giao còn chặn số điện thoại; zalo và Facebook làm cho chị N không thể liên lạc được, nhằm mục đích chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

Lần 3: Đối với chị Nguyễn Thị K1:

Do có nhu cầu đặt hàng đồ chơi Trung thu để làm từ thiện cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trong dịp Tên trung thu 2022. Nên ngày 05/8/2022, chị K1 có vào ứng dụng Facebook có tên "Thanhtaobao" của T đặt mua 03 thùng đồ chơi LeGo trẻ em (gồm 770 món), trị giá 16.120.000 đồng. T yêu cầu chị K1 phải chuyển tiền trước là 60% giá trị đơn hàng. Chị K1 đồng ý, ngày 05/8/2022 dùng tài khoản của mình chuyển vào tài khoản A của T số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 23/8/2022 T báo hàng đã về đến kho, yêu cầu chị K1 chuyển tiếp 3.000.000 đồng, chị K1 đồng ý chuyển. Sau khi nhận được tiền, T nhắn tin lừa dối hàng đã ở kho S và gửi cho chị K1 một ảnh mã vận đơn giả tạo.

Ngày 06/09/2022 T nói kho hàng đã lên đơn chuẩn bị chuyển. Đến ngày 07/10/2022 T viện lý do việc kho hàng bận chưa chuyển được. Ngày 12/10/2022 T lấy lý do kho hàng đang làm việc với bên Hải quan nên chưa chuyển được. Tiếp tục đến ngày 18/10/2022, T lại lấy lý do hàng bị tắc tại cơ quan Hải quan và nói với chị K1 bên kho hàng sẽ chuyển khoản hoàn lại tiền, T sẽ có trách nhiệm chuyển hoàn trả lại cho chị K1.

Ngày 27/10/2022, T chặn liên lạc đối với chị K1 và chiếm đoạt số tiền 13.000.000 đồng mà chị K1 đã chuyển cho T.

Lần 4: Đối với anh Đặng Văn C1:

Do có nhu cầu tìm mua Áo Choàng dạ của nữ, nên anh C1 có đăng facebook "Văn Cường Đ" của mình để tìm mua hàng. T có vào phần bình luận facebook của anh C1 nhận đặt hộ được. Sau đó T và anh C1 nhắn tin với nhau qua ứng dụng Messenger, T giới thiệu mình hiện lấy chồng và sinh sống ở Y - Tuyên Quang. Do tin tưởng, nên ngày 06/8/2022 anh C1 đặt mua hàng với T 35 chiếc Áo Choàng dạ của nữ, tổng số tiền là 14.875.000 đồng, anh C1 chuyển trước cho T số tiền 14.700.000 đồng. Khoảng 10 ngày sau, T nhắn tin báo cho anh C1 là hàng đang tắc ở Biên giới nên chưa về được; tiếp 10 ngày sau T lại nhắn tin báo với anh C1 là kho hàng đã làm mất hàng. Nghi ngờ mình bị T lừa đảo nên đã nhắn tin yêu cầu T chuyển trả lại số tiền 14.700.000 đồng, nhưng T không trả và đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

Lần 5: Đối với anh Nguyễn Bảo C2:

Biết T sử dụng ứng dụng Zalo để đăng bán hàng, nên ngày 14/8/2022 anh C2 liên lạc qua số điện thoại và zalo với T để đặt mua hàng Pin máy bay phun thuốc trừ sâu, tổng giá trị đơn hàng là 29.000.000 đồng. T yêu cầu anh C2 là phải chuyển trước 40% tiền đơn hàng. Anh C2 đồng ý chuyển cho T số tiền là 13.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T không đặt hàng cho anh C2. Ngày 15/09/2022 T lấy lý do biên giới căng thẳng nên khó khăn trong việc nhận hàng để khất việc chuyển hàng cho anh C2.

Ngày 18/09/2022 T lấy lý do kho hàng nghỉ nên hẹn anh C2 ngày hôm sau sẽ chuyển hàng.

Để tạo niềm tin ngày 19/9/2022 T sử dụng một tấm ảnh có mã vận đơn giả tạo gửi cho anh C2. Đến ngày 11/10/2022 T báo lại không chuyển được hàng và

hứa hẹn sẽ trả lại tiền cho anh C2, nhưng không trả và đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 13.000.000 đồng của anh C2.

Lần 6: Đối với cháu Trần Hoàng T4:

Ngày 19/9/2022, cháu T4 đặt mua hàng của T là xe ô tô điều khiển và có chuyển cho T số tiền 1.800.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T có đặt hàng và chuyển cho T4 nhưng không đúng mặt hàng như yêu cầu, nên T4 đã hoàn lại đơn hàng cho T và yêu cầu T trả lại tiền cho mình. Thấy T không trả, lại thấy trên mạng xã hội có nhiều bài viết bóc phốt về hành vi lừa đảo của T, nên ngày 27/02/2023 T4 làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Công an huyện K để giải quyết, thì mới nhận lại đủ số tiền trên.

Lần 7: Đối với anh Nguyễn Văn C3:

Vào ngày 30/09/2022, anh C3 nhắn tin qua ứng dụng Zalo với T đặt mua hàng pin máy bay đồ chơi (F) số lượng 03 thùng, mỗi thùng 24 chiếc pin và một số đồ sửa chữa đối với máy bay đồ chơi (Flycam). Tổng số tiền hàng là 24.000.000 đồng, anh C3 chuyển trước cho T số tiền 13.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền T không đặt hàng và có nhắn tin nói dối anh C3 là hàng đang về và được đẩy về kho S.

Ngày 18/10/2022 anh C3 nhắn tin hỏi về việc giao hàng thì T gửi một ảnh có thông tin mã vận đơn giả mạo cho anh C3. Để lấy tin tưởng, T tạo ra lý do bên vận chuyển đang gửi hàng nên xin địa chỉ và số điện thoại liên lạc của anh C3 để gửi cho nhà xe và nói dối sẽ giao hàng đúng ngày.

Ngày 02/11/2022, T nhắn tin báo lại với anh C3 là bên kho đang xử lý lại đơn hàng, nếu không T sẽ chuyển trả lại tiền cho anh C3.

Nhận thấy T có hành vi lừa đảo nên anh C3 nhắn tin gọi điện để đòi lại tiền nhưng T không nghe, sau đó có nghe máy thì nói hết lý do này đến lý do khác: nào là đang ốm nằm viện nên chưa chuyển tiền được; nào là bên vận chuyển chưa thanh toán lại tiền hàng nên chưa chuyển trả tiền lại cho anh C3 được.

Lần 8: Đối với chị Trần Thị L:

Ngày 21/10/2022, chị L có tài khoản Facebook "Khánh Lý" nhắn tin cho T hỏi về mặt hàng "Bánh kẹo Trung Quốc", sau khi thỏa thuận chị L chốt mua 100kg, trị giá 8.000.000 đồng . T yêu cầu chị L chuyển khoản trước 50% giá trị

đơn hàng là 4.000.000 đồng. Chị L chuyển tiền, T cam kết sau 07 ngày chị L sẽ nhận được hàng.

Hết thời gian cam kết giao hàng, chị L không nhận được hàng. Liên tục trong các ngày 26,27 và 28/10/2022 chị L nhắn tin hỏi T về việc giao nhận hàng, T lấy hết lý do này đến lý do khác nhằm che giấu hành vi lừa đảo của mình, như: "Hàng đã có mặt tại kho ở Hà Nội; chồng T đang đi lấy hàng từ xe hàng chuyển về…". Biết T lừa đảo, nên chị L nhắn tin yêu cầu T chuyển trả lại số tiền đã đặt cọc thì T có xin chị L chuyển trả trước 2.000.000 đồng, nhưng cũng không trả lấy đủ lý do, ốm đau đi nằm viện, rồi chồng T không chuyển trả, nhằm mục đích chiếm đoạt toàn bộ số tiền mua hàng của chị L.

Lần 9: Đối với chị Nguyễn Thị Hồng N1:

Thông qua mạng xã hội, chị N1 thấy T đăng giao bán các mặt hàng đồ ăn vặt: kẹo, hoa quả…nên ngày 03/11/2022 chị N1 có đặt hàng mua của T một số loại đồ ăn vặt như kẹo, hoa quả. Sau đó, chị N1 có chuyển trước cho N1 tiền qua nhiều lần là 5.545.000 đồng. Ban đầu T có giao một lần hàng cho chị N1 trị giá 500.000 đồng. Số hàng còn lại T không làm đúng cam kết mua bán và đã chiếm đoạt của chị N1 số tiền còn lại là 5.045.000 đồng.

Lần 10: Đối với chị Lê Thị P:

Thấy T dùng mạng xã hội Facebook đăng bán hàng, nên vào ngày 30/11/2022, chị P nhắn tin làm quen và hỏi mua mặt hàng "Dâu tây sấy dẻo" của T, T báo giá 7.600.000 đồng/01 thùng, chị P đồng đặt ý mua 01 thùng nhưng chưa chuyển khoản tiền cho T. Không có hàng, để tạo được lòng tin, ngày 05/12/2022 T gửi chính số điện thoại của mình (0352 159 993) cho chị P và nói dối đây là số của nhà xe và đang có hàng trên xe, mục đích là để chị P tin tưởng và chuyển tiền cho T. Chị P không chuyển vì gọi vào số điện thoại trên không ai nghe máy, mặc dù đúng là số máy của T nhưng T không nghe.

Đến sáng ngày 06/12/2022 chị P yêu cầu T tìm xe khác gửi hàng, để tạo sự tin tưởng T đã nói dối là đã gửi hàng xe khác và gửi số tài khoản cho chị P. Khoảng 13 giờ cùng ngày, chị P chuyển khoản cho T số tiền 7.600.000 đồng, đến chiều cùng ngày chị P liên tục hỏi T xe đến chưa, T tiếp tục lừa dối chị P nên đã gửi số điện thoại 0979 532 814 của chồng T cho chị P và nói đối là số nhà xe và nhắn tin cho chị P tin tưởng, mặc dù số điện thoại này, chồng T không thường xuyên sử dụng, chỉ lắp vào máy cho con chơi.

Đến ngày 07/12/2022, chị P nhắn tin cho T hỏi lại việc giao hàng, T trả lời chị P là T gọi cho nhà xe nhưng không nghe máy, chị P nói để chị P gọi cho nhà xe và cũng không thấy nghe máy, thực tế số điện thoại nhà xe là số của chồng T và T đang cầm số điện thoại này, T không tắt máy nhưng khi chị P gọi T không nghe. Sau đó T nhắn tin cho chị P, nội dung đổ lỗi cho nhà xe là đã giao hàng nhưng thực tế là để T kéo dài thời gian, nhằm lừa đảo chiếm đoạt số tiền 7.600.000 đồng mà chị P đã chuyển khoản T.

Cáo trạng số: 32/CT-VKSKB ngày 28/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, truy tố Bùi Thị Ngọc T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Phần tranh tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến gì khác.

Phần tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi thực hành quyền công tố phát biểu luận tội, trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân; tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó, giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Bùi Thị Ngọc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự" xử phạt Bùi Thị Ngọc T mức án từ 36 đến 42 tháng tù.

Về bồi thường trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hiình sự; Điều 584; 585; 586 và 589 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là: 111.480.000 đ (một trăm mười một triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố Tố hình sự, đề nghị tịch thu của của Bùi Thị Ngọc T 02 điện thoại + sim, để nộp ngân sách Nhà nước gồm:

01(một) Điện thoại di động nhãn hiệu realme C35, IMEI 1: 8649 4506 011 8115, IMEI 2: 8649 4506 011 8107 màu đen, máy đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim (0352 159 993 – 0332 830 419) và 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Facebook vỏ màu trắng bạc, màn hình ở trạng thái treo logo khởi động, kèm sim di động số: 0979 532 814.

- Trả lại cho anh Phạm Văn K, 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số seri : F2LRMG 6GRX5, số IMEI: 3557 3507 290 2614 màu hồng đã qua sử dụng, bên trong có lắp sim số: 0386 245 005.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Bùi Thị Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận, bị cáo Bùi Thị Ngọc T không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Bùi Thị Ngọc T nhận thức được hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo các con còn quá nhỏ để được hưởng mức án thấp để có điều kiện chăm sóc con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại và người có quyền lợi liên quan trong vụ án đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét thấy, lời khai nhận tội của Bùi Thị Ngọc T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian ngắn từ tháng 3/2022 đến tháng 11/2022 bị cáo T sử dụng tài khoản mạng xã hội Z; Facebook của mình để chào bán những mặt hàng không có bằng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của 09 bị hại với tổng số tiền 111.480.000 đồng, rồi chi tiêu cá nhân hết.

Bùi Thị Ngọc T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết việc sử dụng tài khoản mạng xã hội Z; Facebook của mình để chào bán những mặt hàng không có, nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật xong bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm

đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Nên Cáo trạng truy tố Bùi Thị Ngọc T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do vậy, cần phải có mức án tương xứng, tính chất mức độ hành vi, hậu quả mà bị cáo đã thực hiện để xử cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[3]. Về nhân thân; tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề khách liên quan:

Về nhân thân: Bị cáo T không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra cũng xem xét đến hoàn cảnh bị cáo đang nuôi con nhỏ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với anh Phạm Văn K (chồng bị cáo T) không biết việc T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[4]. Về bồi thường trách nhiệm dân sự: Toàn bộ số tiền 111.480.000 đồng bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của 09 bị hại. Nay buộc bị cáo phải bồi thường lại là có căn cứ.

[5]. Về xử lý vật chứng: 02 chiếc điện thoại thoại di động nhãn hiệu realme C35 bên trong lắp 02 sim (0352 159 993 – 0332 830 419) và điện thoại di động nhãn hiệu iphone số sim 0979 532 814 bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, đã làm rõ T không sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone, số sim 0386 245 005 của chồng mình là anh K vào việc phạm tôi nên trả lại cho anh K là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Bị cáo Bùi Thị Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Ngọc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt, Bùi Thị Ngọc T 36 (ba sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi 06 (sáu) ngày tạm giữ.

2. Về bồi thường trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584; 585; 586 và 589 của Bộ luật Dân sự:

Xử buộc bị cáo Bùi Thị Ngọc T phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là: 111.480.000 đ (một trăm mười một triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng), cụ thể:

Chị Trần Thị Bảo T1, số tiền 31.135.000 đồng; chị Hoàng Thị N, số tiền 10.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị K1, số tiền 13.000.000 đồng; anh Đặng Văn C1, số tiền 14.700.000 đồng; anh Nguyễn Bảo C2, số tiền 13.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn C3, số tiền 13.000.000 đồng; chị Trần Thị L, số tiền 4.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Hồng N1, số tiền 5.045.000 đồng và chị Lê Thị P, số tiền 7.600.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu của Bùi Thị Ngọc T 02 điện thoại + sim, để nộp ngân sách Nhà nước, gồm: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu realme C35, IMEI 1: 8649 4506 011 8115, IMEI 2: 8649 4506 011 8107 màu đen, máy đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim (0352 159 993 – 0332 830 419) và 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone vỏ màu trắng bạc, màn hình ở trạng thái treo logo khởi động, kèm sim di động số: 0979 532 814.

- Trả lại cho anh Phạm Văn K, 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số seri: F2LRMG 6GRX5, số IMEI: 3557 3507 290 2614 màu hồng đã qua sử dụng, bên trong có lắp sim số: 0386 245 005.

Nội dung vật chứng được ghi trong quyết định chuyển vật chứng, số: 24/QĐ-VKS ngày 29/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản, ngày 30/6/2023, giữa Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Bùi Thị Ngọc T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.574.000 đ (năm triệu năm trăm bảy tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Bùi Thị Ngọc T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Văn K có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/9/2023); bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh HB;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Công an huyện Kim Bôi;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Kim Bôi;
- Bị cáo Thanh; bị hại;
- Người có QLNVLQ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, án văn./.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Đặng Minh Khoa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BÔI** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 45 phút, ngày 12 tháng 9 năm 2023

Tại: Phòng Nghị án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Minh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vũ Hòa và ông Ngô Trung Tính

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2023/HSST ngày 30/6/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HS ngày 02/8/2023 đối với:

Bị cáo: **Bùi Thị Ngọc Thanh**, sinh năm 1999, tại Kim Bôi – Hòa Bình

Nơi ĐKHK: Thôn Gà Luộc, xã Phú Ninh, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi tạm trú: Xóm Khăm, xã Bình Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Bùi Văn Duyệt, sinh năm 1980; Con bà Bùi Thị Chỉm, sinh năm 1977; Chồng Phạm Văn Kiên, sinh năm 1997: Có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: (Không).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2022 đến ngày 29/12/2022 được tại ngoại, (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

1. Chị Trần Thị Bảo Trân, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Số 45/12 Lê Anh Xuân, phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

2. Chị Hoàng Thị Nga, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn Phấn Động, xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

3. Chị Nguyễn Thị Khuyên, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Số 213/10 Lê Hồng Phong, phường 8, thành phố Vũng Tàu.

4. Anh Đặng Văn Cường, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn Phú Điền, xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

5. Anh Nguyễn Bảo Châu, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn Thới Thạnh, xã Thới An, Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

6. Anh Nguyễn Văn Chuyện, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn.. , xã An Khánh, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

7. Chị Trần Thị Lý, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Tổ 10, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

8. Chị Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Số 20, Ngách 1/28, Ngõ 263 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

9 Chị Lê Thị Phượng, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Đội 10, Siêu Quần, Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(09) bị hại, đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phạm Văn Kiên, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn Gà Luộc, xã Phú Ninh, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. (có mặt tại phiên tòa).

- Cháu Trần Hoàn Thái, sinh năm 2007

Nơi cư trú: Tòa S303, Vinhomesmart City, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ

Liêm, thành phố Hà Nội, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Biểu quyết: 3/3.

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Ngọc Thanh phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt, Bùi Thị Ngọc Thanh 36 (ba sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi 07 (bảy) ngày tạm giữ.

Biểu quyết: 3/3.

2. Về bồi thường trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586 và 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Bùi Thị Ngọc Thanh phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là: 111.480.000 đ (một trăm mười một triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng), cụ thể:

Chị Trần Thị Bảo Trân, số tiền 31.135.000 đồng; chị Hoàng Thị Nga, số tiền 10.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Khuyên, số tiền 13.000.000 đồng; anh Đặng Văn Cường, số tiền 14.700.000 đồng ; anh Nguyễn Bảo Châu, số tiền 13.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Chuyện, số tiền 13.000.000 đồng; chị Trần Thị Lý, số tiền 4.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Hồng Nhung, số tiền 5.045.000 đồng và chị Lê Thị Phượng, số tiền 7.600.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Biểu quyết: 3/3.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a

khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước, gồm:

- 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C35, IMEI 1: 8649 4506 011 8115, IMEI 2: 8649 4506 011 8107 màu đen, máy đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 Sim (0352 159 993 – 0332 830 419).

- 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số Seri: F2LRMG 6GRX5, số IMEI: 3557 3507 290 2614 màu hồng đã qua sử dụng, bên trong có lắp Sim số: 0386 245 005.

- 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng bạc, màn hình ở trạng thái treo logo khởi động, kèm Sim di động số: 0979 532 814.

Nội dung vật chứng được ghi trong Quyết định chuyển vật chứng, số: 24/QĐ-VKS ngày 29/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản, ngày 30/6/2023, giữa Công an huyện Kim Bôi và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bôi.

Biểu quyết: 3/3.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Bùi Thị Ngọc Thanh phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.574.000 đ (năm triệu năm trăm bảy tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Biểu quyết: 3/3.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Bùi Thị Ngọc Thanh; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Văn Kiên có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/9/2023); bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Biểu quyết: 3/3.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 10 phút, ngày 12 tháng 9 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Khoa